

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1353**/CHHVN-KHCNMT
V/v tìm kiếm vị trí đổ chất nạo vét các công
trình nạo vét duy tu luồng hàng hải phía Bắc.

Hà Nội, ngày **14** tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Các Cảng vụ Hàng hải: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

Để có cơ sở triển khai việc nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải khu vực phía Bắc nhằm đảm bảo chuẩn tắc thiết kế, phục vụ tàu, thuyền ra vào các bến cảng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và khu vực, Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị các Cảng vụ hàng hải thực hiện một số nội dung sau:

- Thông tin đến các tổ chức, cá nhân, các cơ quan truyền thông và đăng tải trên website của Cảng vụ hàng hải về nhu cầu cần tìm kiếm vị trí đổ chất nạo vét cho các tuyến luồng hàng hải khu vực phía Bắc hàng năm (danh mục tuyến luồng và khối lượng chất nạo vét dự kiến hàng năm tại Phụ lục kèm theo).

- Trường hợp có vị trí có khả năng tiếp nhận chất nạo vét của công trình, tiến hành khảo sát, đánh giá khả năng tiếp nhận (về mặt kinh tế, kỹ thuật và pháp lý), báo cáo kịp thời bằng văn bản về Cục Hàng hải Việt Nam (qua Phòng Khoa học, Công nghệ và Môi trường, điện thoại: 0243.7683.195/ 0912.653.896, email: thuongttt@vinamarine.gov.vn) để xem xét, làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Cục Hàng hải Việt Nam thông báo để các Cảng vụ hàng hải biết, thực hiện././ **TAS**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Phòng KCHTHH;
- Lưu: VT, KHCNMT(3b);

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng

Phụ lục

Danh mục các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải miền Bắc hàng năm

(Kèm theo văn bản số 1353/CHVN-KHCNMT ngày 14 tháng 4 năm 2021)

TT	Tên công trình	Khối lượng nạo vét dự kiến (m ³ /năm)
1.	Hòn Gai - Cái Lân	150.000 - 200.000
2.	Hải Phòng	2.500.000 - 3.000.000
3.	Phà Rừng	300.000 - 350.000
4.	Diêm Điền	300.000 - 350.000
5.	Hải Thịnh	150.00 - 200.000
6.	Nghi Sơn	350.000 - 400.000
7.	Cửa Lò	200.000 - 250.000
8.	Cửa Hội - Bến Thủy	100.000 - 150.000
9.	Vũng Áng	200.000 - 250.000
10.	Cửa Gianh	150.000 - 180.000
11.	Cửa Việt	200.000 - 250.000
12.	Thuận An	80.000 - 100.000
13.	Đà Nẵng	100.000 - 150.000
14.	Sa Kỳ	80.000 - 100.000

